TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 123/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06-10-2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Phong.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh;

2. Ông Đặng Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Quyết – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương tham gia phiên toà: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 10 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 304/2022/TLST-HNGĐ ngày 18/7/2022 về việc "Ly hôn và tranh chấp về nuôi con" giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Hồ Ngọc Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: Đường hẻm 43, Tổ 1, khu phố P, phường P, thị xã T, tỉnh B, có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thành T, sinh năm 1989; địa chỉ: Số 35/3, đường ĐX, , phường P thành phố T, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Nguyên đơn bà Hồ Ngọc Đtrình bày:* Bà Hồ Ngọc Đvà ông Nguyễn Thành Tsống chung như vợ chồng và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Ph, thành phố T, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84/2013 ngày 17/10/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận với nhau đến năm 2020 cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, ông T không quan tâm vợ con, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài dẫn

đến hôn nhân không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Trong thời gian chung sống vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 15/4/2021. Nay bà Đ yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Ngọc Đ yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Thành T.

- Về con chung: Bà Hồ Ngọc Đ và ông Nguyễn Thành T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 15/4/2021. Sau khi ly hôn bà Hồ Ngọc Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà Hồ Ngọc Đ không yêu cầu ông Nguyễn Thành Tcấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn ông Nguyễn Thành Ttrình bày:* Thống nhất lời trình bày của nguyên đơn giữa bà Hồ Ngọc Đvà ông Nguyễn Thành T sống chung như vợ chồng và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Ph, thành phố T, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84/2013 ngày 17/10/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng sống hòa thuận với nhau. Tuy nhiên, hiện nay cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, trước yêu cầu ly hôn của bà Đ thì ông T không đồng ý ly hôn. Trường hợp bà Đ đồng ý giao cho ông T số tiền 20.000.000 đồng là tiền sổ tiết kiệm và xe Satria (Zusuki) biển bố 61E1-817.44 cho ông Nguyễn Thành Tthì ông T sẽ đồng ý ký vào đơn thuận tình ly hôn với bà Hồ Ngọc Đ.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 15/4/2021. Sau khi ly hôn bà Hồ Ngọc Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung. Nguyễn Thành T không có nghĩa vụ cấp dưỡng. Nếu bà Hồ Ngọc Đ không đồng ý thì giao cho ông Nguyễn Thành T nuôi 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 15/4/2021 không yêu cầu bà Đ cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Yêu cầu bà Đ giao số tiền 20.000.000 đồng trong sổ tiết kiệm và chiếc xe Satria (Zusuki) biển bố 61E1-817.44 cho ông Nguyễn Thành T.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Từ khi thụ lý vụ án đến trước phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về phần thủ tục Kiểm sát viên không có kiến nghị khắc phục gì thêm.

Về việc giải quyết vụ án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về quan hệ pháp luật: Bà Hồ Ngọc Đ có đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Thành T và có yêu cầu giải quyết về vấn đề con chung. Như vậy, quan hệ pháp luật là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Về sự tham gia phiên tòa của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Thành T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Nguyễn Thành T không đến Tòa án để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng không thông báo lý do vắng mặt cho Tòa án biết. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nguyên đơn bà Hồ Ngọc Đcó đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt.

[2] Về nội dung vụ án: Bà Hồ Ngọc Đ và ông Nguyễn Thành T tự nguyện tìm hiểu nhau và có đăng ký kết hôn tại tại UBND phường Ph, thành phố T, tỉnh B theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 84/2013 ngày 17/10/2013, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà Hồ Ngọc Đ cho rằng vợ chồng sống chung nhưng không hạnh phúc. Nguyên nhân do ông Nguyễn Thành T không có trách nhiệm với gia đình, vợ và con, không cùng chăm lo kinh tế để nuôi con, vợ chồng đã không còn sống chung với nhau, mạnh ai nấy sống. Quá trình tố tụng giải quyết ông Nguyễn Thành T cho rằng mâu thuẫn dẫn đến ly hôn cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, nguyên nhân vợ chồng bất đồng quan điểm, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng kéo dài dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, trước yêu cầu ly hôn của bà Đ thì ông T đồng ý ly hôn với điều kiện bà Đ phải có nghĩa vụ giao số tiền 20.000.000 đồng là tiền trong sổ tiết kiệm của bà Đ và xe môtô hiệu Satria (Zusuki) biển bố 61E1-817.44 cho ông Nguyễn Thành T. Bà Hồ Ngọc Đkhông đồng ý theo yêu cầu của ông T và cho rằng tài sản chung không có số tiền 20.000.000 đồng tiền sổ tiết kiệm và xe Môtô hiệu Satria (Zusuki) biển bố 61E1-817.44 do ông Nguyễn Thành Tđang quản lý sử dụng, bà Đ không có tranh chấp. Như vậy, thể hiện bà Hồ Ngọc Đ yêu cầu giải quyết được ly hôn với ông Nguyễn Thành T là có căn cứ, đúng pháp luật theo quy định tại theo Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà Hồ Ngọc Đvà ông Nguyễn Thành T có 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày

15/4/2021. Sau khi ly hôn bà Hồ Ngọc Đ yêu cầu được nuôi 02 con chung và hiện nay hai cháu đang sống chung với bà Đ và có nguyện vọng sống cùng bà Đ. Do đó, giao 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 15/4/2021 cho bà Hồ Ngọc Đ trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Nguyễn Thành T có yêu cầu bà Đ giao số tiền 20.000.000 đồng tiền trong sổ tiết kiệm và xe Môtô hiệu Satria (Zusuki) biển bố 61E1-817.44 cho ông Nguyễn Thành T nhưng ông T không cung cấp chứng cứ chứng minh và cũng không có đơn yêu cầu phản tố chia tài sản chung, do đó Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét yêu cầu về tài sản của ông T. Trường hợp các bên có tranh chấp thì sẽ được giải quyết bằng vụ án khác.

Từ phân tích trên, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thành T là có căn cứ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa đề nghị cấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

[5] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Hồ Ngọc Đ phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hồ Ngọc Đ về việc "Yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với bị đơn và ông Nguyễn Thành T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Hồ Ngọc Đ được ly hôn với ông Nguyễn Thành T. (Giấy đăng ký kết hôn số số 84/2013 ngày 17/10/2013 của UBND phường Ph, thành phố T, tỉnh B không còn giá trị pháp lý)

1.2. Về con chung: Bà Hồ Ngọc Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc 02 con chung tên Nguyễn Ngọc Cẩm T, sinh ngày 06/9/2014 và Nguyễn Nhất L, sinh ngày 15/4/2021.

1.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình: Bà Hồ Ngọc Đ nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ hết vào tiền tạm ứng án phí đã nộp tạm ứng trước đây theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0001540 ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

3. Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- UBND phường Phú Mỹ, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Phong